

CHÍNH SÁCH CỦA TRIỀU ĐÌNH LÊ - TRỊNH ĐỐI VỚI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở ĐÀNG NGOÀI

NGUYỄN MINH TƯỜNG *

Tóm tắt: Bài viết phân tích chính sách của triều đình Lê - Trịnh đối với dân tộc thiểu số ở Đàng Ngoài. Theo tác giả, đó là: phủ dụ, mua chuộc tầng lớp tù trưởng, giảm nhẹ hoặc tha thuế; trừng phạt và đập tan ý định chống đối của các tù trưởng dân tộc thiểu số. Các chính sách đó về cơ bản là kế thừa chính sách của các triều đại Lý, Trần, Hồ, Lê sơ.

Từ khóa: Thời Lê - Trịnh; Đàng Ngoài; Bắc Hà; Trịnh - Nguyễn; dân tộc thiểu số.

1. Mở đầu

Ở Đàng Ngoài, trong buổi đầu, triều đình Lê - Trịnh đứng trước một tình thế phải đối phó với nhiều lực lượng đối lập. Nhà Mạc tuy đã bị lật đổ năm 1592, nhưng con cháu dư đảng họ Mạc vẫn nổi dậy hoạt động khắp nơi - nhất là vùng Đông Bắc (Quảng Ninh - Lạng Sơn - Cao Bằng). Những hành động chống đối của họ Mạc phát triển mạnh mẽ trong khoảng các năm 1593 - 1594 và tiếp tục kéo dài mãi đến nửa sau thế kỷ XVII. Ở Tuyên Quang, họ Vũ (con cháu Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật), vẫn duy trì khu vực cát cứ của mình và nhiều lần cũng nổi dậy chống lại họ Trịnh. Trong tình thế ấy, công việc của họ Trịnh là phải trấn áp những thế lực quân sự đối địch, đàn áp phong trào nhân dân để củng cố địa vị thống trị. Bên cạnh đấy, họ Trịnh vẫn phải thi hành những chính sách vừa phủ dụ, mua chuộc, vừa trấn áp đối với tầng lớp tù trưởng đứng đầu vùng dân tộc thiểu số ở Đàng Ngoài với mục đích củng cố miền biên cương của Tổ quốc, chống lại sự

xâm nhập từ bên ngoài. Căn cứ vào những tư liệu lịch sử, chúng tôi nhận thấy triều đình Lê - Trịnh trong thời gian trị vì ở thế kỷ XVII - XVIII, đã có những chính sách dưới đây đối với dân tộc thiểu số ở Đàng Ngoài.

2. Phủ dụ, mua chuộc tầng lớp tù trưởng thiểu số

Miền biên giới Việt - Trung vào cuối thế kỷ XVI và thế kỷ XVII, XVIII nói chung còn hết sức phức tạp. Ở đây hầu hết là đất cư trú của các dân tộc thiểu số: Thái, H'mông, Dao, Tày, Nùng... Các dân tộc này sống trên lãnh thổ cả hai nước Việt Nam, Trung Quốc. Đối với đất phiên trấn này, sự kiểm soát, chi phối của chính quyền Lê - Trịnh khá lỏng lẻo. Triều đình thường giao cho các viên quan đứng đầu nội trấn kiêm lãnh, hay cử các triều thần ngời tại Kinh cai trị. Lợi dụng tình trạng lỏng lẻo ấy, bọn quan lại Trung Quốc ở vùng biên giới thường kéo quân sang cướp phá mùa màng, xâm lấn

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đất đai để thu thuế, nhất là xâm chiếm những vùng có mỏ đồng quan trọng. Mặt khác, những lực lượng đối lập với chính quyền Lê - Trịnh (như dư đảng họ Mạc, họ Vũ...) cũng thường chạy lên vùng biên giới dựa vào thế lực nhà Minh, nhà Thanh để hoạt động cướp phá.

Để đối phó với tình trạng trên, chính quyền Lê - Trịnh tiếp tục các chính sách truyền thống đối với tù trưởng thiểu số là phủ dụ, mua chuộc như phong quan tước cho họ.

Năm 1665, chúa Trịnh Tạc (1657 - 1682) gia phong cho phiên thần ở Lạng Sơn là Nguyễn Đình Kế tước Hoàng quận công vì đã dụ được các thổ tù Bê Công Lượng và Bê Quốc Tế quy thuận triều đình⁽¹⁾.

Năm 1669, thổ tù Tuyên Quang là Vũ Công Đức vì có việc bất bình với thủ hạ là Ma Phúc Trường, trong lòng hoài nghi lo sợ, về Kinh đô để tỵ bày tỏ. Vũ Công Đức đi đến tuần Đông Lan⁽²⁾, nửa đêm bị kẻ cướp giết. Trước kia, Gia quốc công Vũ Văn Mật đóng ở doanh Yên Bắc, trấn Tuyên Quang, lúc bắt đầu thời Lê trung hưng, Vũ Văn Mật có công đánh nhà Mạc, được quyền thế tập trấn giữ Tuyên Quang, đóng ở Đại Đồng. Con Vũ Văn Mật là Thái phó Vũ Công Kỳ và cháu là Thái bảo Vũ Đức Cung sửa lễ cống triều đình Lê - Trịnh theo chức phận. Đến đời cháu tăng tôn (chắt) là Thiếu phó Vũ Công Đức⁽³⁾ cạy trấn Tuyên Quang là nơi hiểm trở, xa xôi, bèn liên kết với dư đảng họ Mạc, tiếm xưng tước Vương, lập triều đường, nha môn. Triều đình Lê - Trịnh cũng bao dung, nhẫn nhịn không hỏi gì đến.

Đến đây, được tin Vũ Công Đức bị giết, triều đình Lê - Trịnh “nghĩ đến ông cha Công Đức có công lao to, nghĩa không thể dứt, mới lập con Đức là Vũ Công Tuấn nối nghiệp, cho làm Đô đốc, Thiêm sự, ban tước Khoan quận công, ban cấp dân lộc để giữ việc thờ cúng. Các con trai, con gái của Công Đức đều được võ về yên ủi”⁽⁴⁾. Chúa Trịnh Tạc lại cho Ma Phúc Trường là kẻ bất trung, đem giam vào ngục. Họ Vũ chiếm cứ vùng Đại Đồng, trấn Tuyên Quang, vốn là dân tộc Kinh ở đất Gia Lộc, Hải Dương, bỏ nhà Mạc lên đây từ đầu thế kỷ XVI, nhưng trải qua nhiều đời làm thổ tù đã trở thành “Tày hóa”, vì thế cho nên chúng tôi coi con cháu họ Vũ như những tù trưởng dân tộc thiểu số. Và lại, lực lượng quân sự, cũng như người dân dưới quyền cai trị của họ Vũ, chủ yếu đều là người dân tộc thiểu số Tày, Nùng...

Năm 1692, Trấn thủ Cao Bằng là Ngô Sách Tuân sai Thổ ty là Bê Công Quỳnh dụ dỗ viên quan ở Long Châu, Trung Quốc bắt được dư đảng họ Mạc là Hán Đường công Mạc Kính Chư, Đô đốc Đình Công Định đưa về Kinh sư, giết chết. Triều đình Lê - Trịnh luận công thăng Ngô Sách Tuân làm Hữu thị lang bộ Công, Giám hộ là Lê Bất Huân, Nguyễn Công Ban đều được thăng Giám

⁽¹⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Nguyễn (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, t.3, tr.271.

⁽²⁾ Tuần Đông Lan: ở khoảng đò sông Cháy, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

⁽³⁾ *Cương mục* chép là Thiếu phó Vũ Công Đắc.

⁽⁴⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.3, tr.281-282.

sát ngự sử, Bế Công Quỳnh được phong tước Quận công⁽⁵⁾.

Năm 1745, trước đây, dư đảng họ Mạc vây Cao Bằng hơn 2 tháng, trong thành thiếu lương ăn, Đốc đồng Trần Danh Lâm khuyên bảo thổ binh, chiến sĩ hết sức chống giữ. Trần Danh Lâm lại chiêu dụ các họ tù trưởng dân tộc thiểu số làm ngoại ứng, hứa trọng thưởng khi họ lập công. Số tù trưởng này đều vui vẻ làm việc, ngăn đường lấy củi, gánh nước, vận lương của dư đảng họ Mạc. Họ Mạc lo sợ bị tiêu diệt, bèn thu quân rút lui. Trần Danh Lâm đưa quân đuổi đánh, phá tan được. Bốn châu Cao Bằng là Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang đều được dẹp yên. Lại chiêu tập, yên ủi dân phiêu tán, cho họ trở về yên nghiệp làm ăn. Tin thắng trận tâu về triều, Trần Danh Lâm được thăng chức 2 bậc, phong tước hầu⁽⁶⁾.

Cùng năm 1745, triều đình Lê - Trịnh ban tặng cho phiên thần Thái Nguyên là Ma Thế Lộc tước Quận công. Từ khi vùng biên giới phía Bắc bùng nổ việc binh nhung, các tù trưởng thiểu số ở các phiên trấn nhiều người hết sức đánh dẹp. Trong số đó, Ma Thế Lộc là người có công nhất. Lưu thủ Thái Nguyên là Văn Đình Úc xin gia ân khen thưởng để khuyến khích, cho nên có mệnh lệnh này⁽⁷⁾.

Năm 1767, triều đình Lê - Trịnh lệnh cho quan lại khảo xét công tội các phiên thần ở ngoại trấn. Phong tước cho thổ tù Châu Mai, xứ Hưng Hóa là Hà Công Ứng tước Mai Phong hầu, thổ tù sách Dâu Sùng là Đinh Công Hồ tước Sùng Nham bá, cả 2 đều được ban cáo mệnh.

Bấy giờ, tàn quân trong cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chất, trốn ở động Mãnh Thiên, nhiều lần tiến đánh vùng thượng du Hưng Hóa. Thổ tù Hà Công Ứng và thổ tù Đinh Công Hồ kiên quyết chống cự, nên giữ yên được các “sách” trong châu của mình. Lưu thủ Hưng Hóa là Hoàng Phùng Cơ tâu dâng công trạng về triều đình, cho nên có lệnh khen thưởng này. Triều đình Lê - Trịnh lại sai quan đến tuyên dương yên ủi, cho các phiên thần ai nấy đều được thăng phẩm trật⁽⁸⁾.

3. Giảm nhẹ hoặc tha thuế cho vùng dân tộc thiểu số

Thực hiện chính sách “*Nhu viễn*”, tức đối xử mềm dẻo, nhẹ nhàng đối với vùng xa xôi, biên viễn của Tổ quốc, triều đình Lê - Trịnh đã ban bố nhiều dụ chỉ nhằm giảm nhẹ thuế khóa, hoặc tha thuế cho vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trước hết, để ổn định đời sống nhân dân vùng biên giới Việt - Trung, triều đình lệnh cho các viên thủ thần, tức các quan lại có nhiệm vụ trấn giữ ở biên cương hoặc các đồn ải quan trọng, nhất là 2 xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa phải chiêu tập dân xiêu tán ở 2 châu Văn Bàn, Thủy Vĩ về quê quán làm ăn⁽⁹⁾.

Vào thời Lê - Trịnh, số người Hoa, nhất là thương nhân vùng Hoa Nam,

⁽⁵⁾ Ngô Thì Sĩ (1991), *Đại Việt sử ký tục biên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.38.

⁽⁶⁾ *Sđđ*, tr.205.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Cương mục*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.582.

⁽⁷⁾ Ngô Thì Sĩ (1991), *sđđ*, tr.205.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.2, tr.583.

⁽⁸⁾ Ngô Thì Sĩ (1991), *sđđ*, tr.305.

⁽⁹⁾ *Sđđ*, tr.37.

Trung Quốc, thuộc các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông sang buôn bán ở Việt Nam ngày một nhiều. Trước tình trạng đó, năm 1717, triều đình Lê - Trịnh ban hành rõ chế độ khu xử đối với các thương nhân người Hoa này. Từ đây các thương nhân người Hoa buôn bán ở đâu đều được nhập tịch và chịu tạp dịch ở đó. Từ tiếng nói, ăn mặc đến đầu tóc đều phải nhất nhất tuân theo phong tục của Việt Nam. Ai làm trái quy định, sẽ bị trục xuất về nước⁽¹⁰⁾.

Cùng thời gian ấy, các mỏ vàng, bạc, đồng, thiếc ở các trấn như Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn sử dụng nhiều người Hoa. Triều đình Lê - Trịnh e rằng sẽ sinh sự biến động, bèn định thể lệ: số phu mỗi mỏ, nhiều nhất 300 người, thứ đến 200 người và ít nhất 100 người, không mỏ nào được sử dụng quá số đã quy định. Từ đây, số phu mỏ người Hoa làm ở trường khai mỏ mới có hạn chế⁽¹¹⁾.

Năm 1726, triều đình Lê - Trịnh ban lệnh giảm nhẹ thuế cho dân chúng trấn Cao Bằng. Trước đó, vào niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705 - 1719), triều đình định thêm phép đánh thuế ở Cao Bằng với thuế khóa và giao dịch phiền phức, nặng nề. Nhiều bày tỏ phiến trấn về Kinh bày tỏ sự đau khổ chông chát của dân. Do vậy, chúa Trịnh Cương (1709 - 1729) hạ lệnh giảm bớt các sở tuần ty và các thứ thuế phụ, như thuế đánh vào đầu trâu, thuế nộp hồng quả và vải thổ,... Từ đây dân 4 châu trấn Cao Bằng mới dần dần được nghỉ ngơi hồi sức lại⁽¹²⁾.

Năm 1727, chúa Trịnh Cương ban lệnh tha các thứ thuế thổ sản. Bây giờ,

triều đình nghị bàn cho rằng, các phép Tô - Dung - Điều⁽¹³⁾ đã được quy định rõ ràng, nhưng các thứ thuế ngoài lệ ngạch, đặc biệt thuế thổ sản vùng dân tộc thiểu số vẫn bị trưng thu, sách nhiễu thái quá. Chúa Trịnh Cương bèn hạ lệnh tha cho hết thảy, duy chỉ có nộp tiền thuế tô và dung mà thôi⁽¹⁴⁾.

Năm 1752, chúa Trịnh Doanh (1740 - 1767) quy định mức thuế đánh vào 7 tộc người Nùng (Sơn Trang bạch tộc, Sơn Trang hắc tộc, Sơn Tử bạch tộc, Sơn Tử hắc tộc, Đại Tiểu bản tộc, Bát Tiên tộc và Cao Lan tộc) ở trấn Tuyên Quang. Theo định lệ hàng năm cho người Nùng là: mỗi suất 6 tiền, 7 tộc, mỗi nhà 7 quan. Lại 7 tộc có lệ đánh thuế nóc nhà hiện tại (tức “*Kiến ốc chinh thuế*”), cứ 3 năm nộp 1 kỳ, mỗi nhà nộp 2 lượng bạc⁽¹⁵⁾.

Năm 1754, người dân ở 4 châu trấn Cao Bằng mất mùa, bị đói, triều đình sai lấy 300 lượng bạc trong kho nội phủ phát chẩn cho dân. Nhân đây, triều đình hạ lệnh cho Trấn ty xét đúng sự thực về số dân trong hạt ấy mà thổ tù hiện cai quản và số hộ khẩu hiện bị lưu tán⁽¹⁶⁾.

⁽¹⁰⁾ *Sđđ*, tr.72.

⁽¹¹⁾ Ngô Thi Sĩ (1991), *sđđ*, tr.73.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.2, tr.410.

⁽¹²⁾ Ngô Thi Sĩ (1991), *sđđ*, tr.102.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.2, tr.458.

⁽¹³⁾ Tô - Dung - Điều: Phép thuế đặt ra từ đời Đường (618 - 907). Tô: thuế đánh vào ruộng đất. Dung: thuế thân đánh vào suất đinh. Điều: thuế lao dịch hoặc đánh vào hàng thủ công nghiệp, thổ sản...

⁽¹⁴⁾ *Sđđ*, tr.105.

⁽¹⁵⁾ Ngô Thi Sĩ (1991), *sđđ*, tr.234.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.2, tr.619.

⁽¹⁶⁾ Ngô Thi Sĩ (1991), *sđđ*, tr.242.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.2, tr. 625.

Năm 1767, triều đình tiếp tục giao cho người Nùng ở Hóa Vi nước ta khai thác các mỏ ở thượng du và cho bóc vỏ quế tại núi rừng nơi ấy. Trước đây, từ khi trường xưởng mở ra nhiều, viên quan giám đương phân nhiều thuê mướn người Hoa kiều khai lấy. Do vậy, người làm thuê trong mỗi xưởng kể đến hàng vạn, phu mỏ, nhà lò tụ tập thành từng đàn, trong đó phần nhiều là người Triều Châu, Thiều Châu (thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc), những người này có tính tình hung hãn, hay đánh nhau. Mỗi lần tranh nhau cửa lò, họ liền nổi quân để đánh nhau, người nào chết thì vút xuống hố. Triều đình Lê - Trịnh coi họ là người ngoài giáo hóa, nên chỉ cốt thu đủ thuế mà thôi, ngoài ra không hỏi gì đến. Đến đây, Đốc đồng Thái Nguyên Ngô Thì Sĩ trình bày lên triều đình cần chấn chỉnh tệ nạn nói trên, cho nên có lệnh này⁽¹⁷⁾.

Năm 1771, chúa Trịnh Sâm ban lệnh xá thuế thiếu lâu năm cho 2 phủ Trà Lân, Quỳnh Châu, cùng với châu Quy Hợp. Trong đó, 3 động là Thân Nguyên, Yên Sơn, Mộng Sơn; 5 sách là Minh Nông, Trú Cẩm, Vụ Quang, Chúc Hà, Phù Lưu và Động Dịch đều thuộc châu Quy Hợp, phần lớn đều là người dân tộc thiểu số cư trú được xá thuế⁽¹⁸⁾.

4. Trừng phạt và đập tan ý định chống đối của các tù trưởng dân tộc thiểu số

Cũng giống như các triều đại trước đó, Nhà nước quân chủ thời Lê - Trịnh chỉ có thể quản lý các tộc người thiểu số thông qua thổ tù của họ. Các thổ tù này được ban chức tước, được toàn quyền quản lý nhân dân trong địa bàn, theo các

chế độ và phong tục tập quán riêng của từng dân tộc, nhưng hằng năm phải nộp công phú cho triều đình.

Như trên đã nói, Đàng Ngoài dưới thời Lê - Trịnh gồm có 11 trấn, trong đó có 4 nội trấn, 5 ngoại trấn và 2 trấn Thanh Hóa, Nghệ An. Đứng đầu mỗi trấn có các cơ quan: Trấn ty, Thừa ty và Hiến ty. Trấn ty gần giống với Đô ty thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497), nắm binh quyền và phụ trách việc tuần phòng các địa phương, nhưng quyền hạn thì đứng trên Thừa ty và Hiến ty, nghĩa là cao hơn Đô ty ngày trước. Đứng đầu Trấn ty có chức Trấn thủ, riêng ba xứ Cao Bằng, Lạng Sơn, Nghệ An, đặt chức Đốc trấn, và Thanh Hoa đặt chức Lưu thủ⁽¹⁹⁾, đó đều là những chức võ quan cao cấp do chúa Trịnh bổ nhiệm. Trong Trấn ty, ngoài chức Trấn thủ, Lưu thủ hay Đốc trấn, còn đặt các chức Đốc đồng (Tứ phẩm hoặc Ngũ phẩm), ở trấn lớn thì gọi là Đốc thị (Tam phẩm hoặc Tứ phẩm), là những viên quan văn giúp Trấn thủ xem xét các việc trong trấn⁽²⁰⁾.

Nhiệm vụ của Thừa ty và Hiến ty vẫn giống như thời Lê sơ (1428 - 1527). Thừa ty có các chức Thừa chính sứ (Tòng tam phẩm), Tham chính (Tòng tứ phẩm), Tham nghị (Tòng ngũ phẩm) trông coi các việc hành chính, hộ tịch, tiền thóc... Hiến ty có các chức Hiến sát

⁽¹⁷⁾ Ngô Thì Sĩ (1991), *sđđ*, tr.297.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.2, tr.665 - 666.

⁽¹⁸⁾ Ngô Thì Sĩ (1991), *sđđ*, tr.349.

⁽¹⁹⁾ Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.2, Nxb Sử học, Hà Nội, tr.29.

⁽²⁰⁾, ⁽²¹⁾ *Sđđ*, tr.30.

sứ, Hiến sát phó sứ, chuyên coi giữ các việc về tư pháp như: “Nói bày, đàn hạch, khám đoán, xét hỏi, kiểm sát, khảo khóa, tuần hành, công 32 điều, chức phiên kịch”⁽²¹⁾. Đối với quan chức địa phương, chức Trấn thủ có vai trò quan trọng nhất vì nó tập trung mọi quyền hành ở địa phương vào trong tay. Chính vì lẽ đó, chúa Trịnh rất chú ý nắm lấy các chức Trấn thủ, thường bổ nhiệm những người thân thích, tin cậy.

Năm 1642, chúa Trịnh Tráng cho các con ra trấn trị các nơi: Trịnh Tạc trấn thủ Sơn Nam, Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây, Trịnh Lệ trấn thủ Kinh Bắc, Trịnh Sầm trấn thủ Hải Dương⁽²²⁾. Còn đối với các trấn miền biên cảnh xa xôi, nơi cư trú của dân tộc thiểu số, chúa Trịnh thường giao cho Trấn thủ các nội trấn kiêm lãnh, hay giao cho một cận thần trong triều phụ trách. Chính tình trạng quản lý vùng ngoại trấn lỏng lẻo ấy đã tạo điều kiện và làm nảy sinh nhiều cuộc nổi dậy chống lại triều đình trung ương của các thổ tù người dân tộc thiểu số, và kể cả những lực lượng đối lập với họ Trịnh như dư đảng họ Mạc, họ Vũ.

Năm 1597, cha con Dũng quận công Nguyễn Khắc Khoan là thổ quan ở huyện Minh Nghĩa liên kết với các lực lượng chống đối họ Trịnh, định làm loạn ở vùng Kinh thành. Ban đêm chúng thường nổi lửa đốt phá phố phường. Trịnh Tùng bắt được 3 cha con Nguyễn Khắc Khoan và 24 tên đồ đảng ở ngoài cửa Nam thành Thăng Long, rồi sai giết chết hết⁽²³⁾.

Năm 1599, Vũ Đức Cung ở Đại Đồng nổi binh làm phản, tự xưng là Long

Bình vương, sai tướng thủ hạ là bọn Nhuệ quận công đem quân của châu Đại Man đánh các động núi ở châu Bạch Thông, đất Thái Nguyên, bức thu thuế mỏ bạc. Hành động nổi binh của Vũ Đức Cung là rất nguy hiểm, ảnh hưởng tới sự bình yên của dân chúng, nếu không nhanh chóng dẹp yên, có nguy cơ gây ra nội chiến. Nhận thấy điều đó, Trịnh Tùng sai quân tiến đánh, phá được Vũ Đức Cung⁽²⁴⁾.

Năm 1686, Khoan quận công Vũ Công Tuấn xúi giục người Nùng cướp phá vùng biên giới 2 xứ Tuyên Quang và Hưng Hóa. Triều đình Lê - Trịnh sai Nguyễn Công Triều đem các tướng và quân đội đi đánh dẹp⁽²⁵⁾.

Năm 1721, thổ tù Đào Mỹ Lâm ở châu Chiêu Tấn đem quân chiếm đoạt Lai Châu, đánh phá Quỳnh Nhai, nhân dân nơi biên giới Việt - Trung phần nhiều bị đốt phá nhà cửa, cướp bóc tài sản. Triều đình sai Lưu thủ Hưng Hóa Nguyễn Công Chính, cùng Đốc đồng Bùi Sĩ Tiêm bàn cách xem nên nã bắt hay chiêu dụ Đào Mỹ Lâm. Nguyễn Công Chính tiến quân đến Mai Châu, bị Đào Mỹ Lâm giết chết⁽²⁶⁾.

Năm 1734, thổ tù Quách Công Thi ở đất Lạc Thổ⁽²⁷⁾, trấn Thanh Hoa, hô hào

⁽²²⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.3, tr.237.

⁽²³⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Nguyễn (1998), *sđđ*, t.3, tr.197.

⁽²⁴⁾ *Sđđ*, tr.206.

⁽²⁵⁾ Ngô Thi Sĩ (1991), *sđđ*, tr.31.

⁽²⁶⁾ *Sđđ*, tr.84.

⁽²⁷⁾ Lạc Thổ: thời Lê - Trịnh thuộc Thanh Hóa, sau đổi tên là Lạc Yên, thuộc Ninh Bình.

tụ họp nhiều người dân tộc thiểu số nổi lên cướp bóc. Lưu thủ Thanh Hoa là Nguyễn Thọ Trường không thể không chế được, bèn làm tờ khai bày tỏ việc này. Triều đình bàn định, lấy lẽ rằng chức phận của Nguyễn Thọ Trường là ở chỗ cầm phòng không chế kẻ trái phép, nên hạ lệnh cho Nguyễn Thọ Trường phải nã bắt Quách Công Thi⁽²⁸⁾.

Năm 1740, Toàn Cơ (thiếu tên họ), thổ tù ở phiên trấn Lạng Sơn, đem quân đánh phá Đoàn thành (thành trấn Lạng Sơn). Bấy giờ, Ngô Đình Thạc, lấy tư cách Thượng thư Bộ Hộ, Tham tụng ra trấn thủ Lạng Sơn mới được vài tháng. Có người khuyên Ngô Đình Thạc bỏ chạy, may ra được thoát. Ngô Đình Thạc nói: “Chức phận của ta là giữ đất của triều đình, ta phải sống chết với thành này, còn toan chạy đi đâu?”. Bèn sa vào tay Toàn Cơ. Ngô Đình Thạc giữ tiết tháo, không chịu khuất phục bị Toàn Cơ giết. Triều đình nghe tin, truy tặng Ngô Đình Thạc hàm Thiếu bảo⁽²⁹⁾.

Năm 1745, dư đảng họ Mạc tập họp người dân tộc thiểu số vây Cao Bằng hơn 2 tháng, trong thành thiếu lương ăn. Đốc đồng Cao Bằng là Trần Danh Lâm khuyên bảo thổ binh, hết sức chống giữ, quân họ Mạc buộc phải rút lui⁽³⁰⁾.

5. Kết luận

Chính sách đối với dân tộc thiểu số ở Đàng Ngoài dưới thời Lê - Trịnh về đại thể vẫn kế thừa chính sách truyền thống của các triều đại Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, đó là vừa phủ dụ, mua chuộc vừa trừng phạt các thổ tù có các hành vi chống đối. Nhưng chính sách đối với dân tộc thiểu số của triều Lê - Trịnh tỏ ra thiếu cương quyết và không thực sự cứng rắn trước

các hành động nổi dậy chống lại triều đình trung ương của các tù trưởng thiểu số. Điều này có nguyên nhân sâu xa từ thể chế “Vua Lê - Chúa Trịnh”. Thể chế đó đã gây nên sự rạn nứt, thậm chí đổ vỡ niềm tin trong dân chúng: họ Lê làm Vua nhưng thực tế chỉ là bù nhìn, họ Trịnh tuy là bề tôi nhưng lại làm Chúa, thực sự nắm toàn bộ binh quyền trong nước. Triều đình Lê - Trịnh, về mặt chính trị, thiếu mất sự “chính danh” cần thiết trong niềm tin tưởng của dân chúng. Chính vì lẽ đó, trong thời Lê trung hưng (1592 -1789), hầu như xứ Đàng Ngoài chẳng mấy khi được yên tiếng súng. Các cuộc nổi dậy bùng phát khắp nơi, nhất là tại vùng cư trú của dân tộc thiểu số. Nhiều tù trưởng thiểu số bị các phe phái đối lập với họ Trịnh như họ Mạc, họ Vũ... kích động, lôi kéo vào cuộc chiến chống lại triều đình Lê - Trịnh. Do đó, có thể thấy, mặc dù rất cố gắng thực thi nhiều chính sách đối với dân tộc thiểu số ở Đàng Ngoài, nhưng triều đình Lê - Trịnh cũng không thu được những thành quả đáng ghi nhận. Trong bối cảnh đó, bọn quan lại nhà Thanh lợi dụng sự mất ổn định vùng biên viễn nước ta, luôn kéo quân qua biên giới cướp phá, trắng trợn xâm phạm đến chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Đó là một bài học lịch sử cần ghi nhớ một cách sâu sắc.

⁽²⁸⁾ Ngô Thi Sĩ (1991), *sđd*, tr.142.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđd*, t.2, tr.492.

⁽²⁹⁾ Ngô Thi Sĩ (1991), *sđd*, tr.164.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđd*, t.2, tr.521.

⁽³⁰⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *sđd*, t.2, tr.205.

